

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 53/2021/NQ-HĐND

Nam Định, ngày 02 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phân chia các khoản thu
và nhiệm vụ chi cho các cấp ngân sách tỉnh Nam Định năm 2022
và thời kỳ ổn định ngân sách 2022 - 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 4**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 132/TTr-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê chuẩn Đề án quy định phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phân chia các khoản thu và nhiệm vụ chi cho các cấp ngân sách tỉnh Nam Định năm 2022; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phân chia các khoản thu và nhiệm vụ chi cho các cấp ngân sách tỉnh Nam Định năm 2022 và thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định Khoá XIX, Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 02 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022./.

CHỦ TỊCH

Lê Quốc Chính

QUY ĐỊNH

**Phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phân chia các khoản thu
và nhiệm vụ chi cho các cấp ngân sách tỉnh Nam Định năm 2022
và thời kỳ ổn định ngân sách 2022 - 2025**

*(Kèm theo Nghị quyết số 53/2021/NQ-HĐND ngày 02 tháng 12 năm 2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định)*

Chương I

**PHÂN CẤP NGUỒN THU VÀ TỶ LỆ PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU
GIỮA CÁC CẤP NGÂN SÁCH TỈNH NAM ĐỊNH**

Điều 1. Các khoản thu ngân sách tỉnh hưởng 100%

1. Lệ phí môn bài, thuế giá trị gia tăng (không kể thuế giá trị gia tăng hàng hóa nhập khẩu), thuế tiêu thụ đặc biệt (không kể thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa nhập khẩu), thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tài nguyên, tiền thuê đất, mặt nước từ các doanh nghiệp nhà nước trung ương, địa phương, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp ngoài quốc doanh trên địa bàn các huyện, thành phố do cơ quan Cục Thuế quản lý.

2. Tiền thuê đất, mặt nước nộp một lần của các doanh nghiệp đầu tư xây dựng hạ tầng Khu, cụm công nghiệp và các doanh nghiệp do cơ quan Cục Thuế quản lý.

3. Thuế thu nhập cá nhân của người lao động tại các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân do cơ quan Cục Thuế quản lý (trừ thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản; thuế thu nhập cá nhân từ cho thuê tài sản; thuế thu nhập cá nhân từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân trên địa bàn các huyện, thành phố).

4. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp thu từ các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn các huyện, thành phố do cơ quan Cục Thuế quản lý.

5. Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tiêu thụ đặc biệt và các khoản thu từ hoạt động xổ số kiến thiết kể cả hoạt động xổ số điện toán.

6. Thuế bảo vệ môi trường từ hàng hóa sản xuất trong nước phân ngân sách địa phương được hưởng theo quy định của pháp luật.

7. Phí thu từ hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện và phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công cấp tỉnh quản lý - phần nộp ngân sách tỉnh theo quy định của pháp luật.

8. Lệ phí do cơ quan, đơn vị cấp tỉnh thu, phần nộp ngân sách cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

9. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho ngân sách tỉnh theo quy định của pháp luật.

10. Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân cho ngân sách tỉnh theo quy định của pháp luật.

11. Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho ngân sách tỉnh.

12. Các khoản thu hồi vốn của ngân sách cấp tỉnh đầu tư tại các tổ chức kinh tế; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu.

13. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương xử lý phần nộp ngân sách tỉnh theo quy định.

14. Thu từ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; cấp quyền khai thác tài nguyên nước phần ngân sách địa phương được hưởng theo quy định của pháp luật.

15. Tiền sử dụng khu vực biên đối với trường hợp giao khu vực biên thuộc thẩm quyền giao của địa phương.

16. Thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.

17. Thu từ bán tài sản nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh quản lý.

18. Các khoản thu khác nộp vào ngân sách tỉnh theo quy định của pháp luật: Thu khác, tiền phạt, tịch thu (nếu có) của các sở, ban, ngành, các đơn vị thuộc tỉnh đóng trên địa bàn của các huyện, thành phố; thu tiền đặt trước của người tham gia đấu giá quyền sử dụng đất không được nhận lại theo quy định tại khoản 6 Điều 39 Luật Đấu giá tài sản (sau khi đã trừ đi các khoản chi phí chi phục vụ cho hoạt động đấu giá).

19. Thu từ Quỹ dự trữ tài chính địa phương.

20. Thu chuyển nguồn ngân sách tỉnh.

21. Thu kết dư ngân sách tỉnh.

22. Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương.

23. Nguồn thu phát sinh từ dự án mới đi vào hoạt động trong thời kỳ ổn định ngân sách làm ngân sách địa phương tăng thu lớn.

24. Khoản thu tiền chậm nộp từ người nộp thuộc cơ quan quản lý thu cấp tỉnh quản lý; khoản thu tiền chậm nộp do đơn vị thuộc cấp Trung ương quản lý phần ngân sách địa phương được hưởng.

Điều 2. Các khoản thu ngân sách huyện, thành phố hưởng 100%

1. Lệ phí môn bài, thuế giá trị gia tăng (không kể thuế giá trị gia tăng hàng hóa nhập khẩu), thuế tiêu thụ đặc biệt (không kể thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa nhập khẩu), thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tài nguyên từ các doanh nghiệp nhà nước trung ương, địa phương, doanh nghiệp ngoài quốc doanh trên địa bàn huyện, thành phố do Chi cục Thuế quản lý.

2. Thuế thu nhập cá nhân của người lao động tại các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân do Chi cục Thuế quản lý (trừ thuế thu nhập cá nhân từ chuyên nhượng bất động sản; thuế thu nhập cá nhân từ cho thuê tài sản; thuế thu nhập cá nhân từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân trên địa bàn các huyện, thành phố).

3. Các khoản thuế, phí thu từ các hộ gia đình, cá nhân kinh doanh có tính chất vĩnh viễn trên địa bàn các xã, phường, thị trấn như: Thu từ YouTuber, kinh doanh bán hàng online nhận tiền trực tiếp từ nước ngoài...

4. Phí thu từ hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước các huyện, thành phố thực hiện và phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công cấp huyện, thành phố quản lý, phần nộp ngân sách huyện, thành phố theo quy định của pháp luật.

5. Lệ phí trước bạ phương tiện vận tải; súng săn, súng dùng để tập luyện, thi đấu thể thao.

6. Lệ phí do cơ quan, đơn vị cấp huyện, thành phố thu, phần nộp ngân sách huyện, thành phố theo quy định của pháp luật.

7. Thu tiền cho thuê và bán nhà thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn thành phố Nam Định.

8. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương xử lý phần nộp ngân sách cấp huyện theo quy định.

9. Thu từ bán tài sản nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc huyện, thành phố quản lý.

10. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho ngân sách huyện, thành phố theo quy định của pháp luật.

11. Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân cho ngân sách huyện, thành phố theo quy định của pháp luật.

12. Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho ngân sách huyện, thành phố.

13. Các khoản thu khác nộp vào ngân sách huyện, thành phố theo quy định của pháp luật: Thu phạt, tịch thu...

14. Thu chuyển nguồn ngân sách huyện, thành phố.

15. Thu kết dư ngân sách huyện, thành phố.

16. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên.

17. Khoản thu tiền chậm nộp từ người nộp thuộc cơ quan quản lý thu cấp huyện quản lý.

Điều 3. Các khoản thu ngân sách xã, phường, thị trấn hưởng 100%

1. Lệ phí môn bài, thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế tài nguyên từ hoạt động sản xuất kinh doanh của hộ gia đình, cá nhân kinh doanh trên địa bàn xã (trừ các khoản thu quy định tại khoản 3 Điều 2 và khoản 1 Điều 4 Quy định này).

2. Thuế sử dụng đất nông nghiệp (kể cả các doanh nghiệp, nông trường nộp).

3. Các khoản phí thu từ hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước xã, phường, thị trấn thực hiện.

4. Lệ phí do cơ quan, đơn vị địa phương thu, phân nộp ngân sách xã, phường, thị trấn theo quy định của pháp luật.

5. Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản.

6. Thu từ bán tài sản nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc xã, phường, thị trấn quản lý.

7. Thu hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất theo chế độ quy định.

8. Các khoản đóng góp tự nguyện cho ngân sách xã, phường, thị trấn theo quy định của pháp luật.

9. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho ngân sách xã, phường, thị trấn theo quy định của pháp luật.

10. Các khoản thu khác nộp vào ngân sách xã, phường, thị trấn theo quy định của pháp luật.

11. Thu chuyển nguồn ngân sách xã, phường, thị trấn.

12. Thu kết dư ngân sách xã, phường, thị trấn.

13. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên.

14. Khoản thu tiền chậm nộp từ người nộp thuộc cấp xã quản lý.

Điều 4. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ giữa các cấp ngân sách

1. Lệ phí môn bài, thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế tài nguyên từ hoạt động sản xuất kinh doanh của hộ gia đình, cá nhân kinh doanh trên địa bàn phường, thị trấn (trừ các khoản thu quy định tại khoản 3 Điều 2 Quy định này):

a) Thu tại phường: Ngân sách thành phố 80%; Ngân sách phường 20%. Riêng thu tại Chợ Rông, chợ Mỹ Tho, ngân sách thành phố Nam Định hưởng 100%.

b) Thu tại các thị trấn: Ngân sách huyện 30%; Ngân sách thị trấn 70%.

2. Thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản; thuế thu nhập cá nhân từ cho thuê tài sản, thuế thu nhập cá nhân từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân (trừ các khoản thu quy định tại khoản 3 Điều 2 Quy định này)

a) Thu tại xã, thị trấn: Ngân sách huyện, thành phố 30%; Ngân sách xã, thị trấn 70%.

b) Thu tại phường: Ngân sách thành phố 90%; Ngân sách phường 10%.

3. Tiền thuê đất, mặt nước từ các doanh nghiệp nhà nước Trung ương, địa phương, doanh nghiệp ngoài quốc doanh, các hộ gia đình, cá nhân kinh doanh trên địa bàn các huyện, thành phố do Chi cục Thuế quản lý: Ngân sách huyện, thành phố 70%; Ngân sách xã, phường, thị trấn 30%.

4. Thu lệ phí trước bạ nhà, đất:

a) Thu tại các xã, thị trấn: Ngân sách huyện, thành phố 30%; Ngân sách xã, thị trấn 70%.

b) Thu tại các phường thành phố Nam Định: Ngân sách thành phố 90%; Ngân sách phường 10%.

5. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp trên địa bàn các huyện, thành phố do Chi Cục Thuế quản lý: Ngân sách huyện, thành phố 30%; Ngân sách xã, phường, thị trấn 70%.

6. Thu tiền sử dụng đất:

a) Thu tiền sử dụng đất khi giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo kế hoạch hàng năm được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt cho các tổ chức, cá nhân (trừ các khu đất quy định tại điểm b, c khoản này); thu tiền sử dụng đất khi công nhận quyền sử dụng đất cho các hộ đã sử dụng đất được điều tiết như sau:

- Thu tiền sử dụng đất tại các xã, thị trấn: Ngân sách tỉnh 50%; Ngân sách huyện, thành phố 20%; Ngân sách xã, thị trấn 30%.

- Thu tiền sử dụng đất tại các phường của thành phố Nam Định: Ngân sách tỉnh 50%; Ngân sách thành phố 50%.

b) Thu tiền sử dụng đất từ các khu đô thị; khu đất được nhà nước đầu tư hạ tầng (sau đây gọi tắt là khu (điểm) dân cư tập trung); khu tái định cư; các khoản thu từ khu đất giao cho nhà đầu tư theo hình thức lựa chọn nhà đầu tư để thực hiện dự án trên địa bàn thành phố Nam Định: Điều tiết ngân sách tỉnh 80%, ngân sách thành phố 20%; Trong đó, phần điều tiết ngân sách tỉnh sẽ được cấp lại toàn bộ để đầu tư các dự án, công trình trên địa bàn thành phố Nam Định theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy định này.

c) Thu tiền sử dụng đất từ các khu đô thị; khu đất được nhà nước đầu tư hạ tầng (sau đây gọi tắt là khu (điểm) dân cư tập trung); khu tái định cư; các khoản thu từ khu đất giao cho nhà đầu tư theo hình thức lựa chọn nhà đầu tư để thực hiện dự án trên địa bàn các huyện: Điều tiết ngân sách tỉnh 100%; Trong đó, phần điều tiết ngân sách tỉnh sẽ cấp lại một phần để đầu tư các dự án, công trình trên địa bàn huyện theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy định này.

7. Thu từ xử lý sắp xếp lại nhà, đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và doanh nghiệp theo Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021; Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp, xử lý tài sản công: Điều tiết ngân sách tỉnh 100%.

Chương II

PHÂN CẤP NHIỆM VỤ CHI

Điều 5. Chi đầu tư xây dựng cơ bản

1. Ngân sách tỉnh: Chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội do tỉnh quản lý; chi đầu tư phát triển trong các chương trình mục tiêu quốc gia do các cơ quan địa phương thực hiện; các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

Riêng chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất tại các khu tái định cư, khu đô thị, các khu (điểm) dân cư tập trung, các khoản thu từ khu đất giao cho nhà đầu tư theo hình thức lựa chọn nhà đầu tư để thực hiện dự án; chi từ nguồn thu xử lý sắp xếp lại nhà, đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và doanh nghiệp được thực hiện như sau:

a) Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất từ các khu đô thị, khu (điểm) dân cư tập trung, khu tái định cư; các khoản thu từ khu đất giao cho nhà đầu tư theo hình thức lựa chọn nhà đầu tư để thực hiện dự án trên địa bàn thành phố Nam Định: Cấp lại 100% phân điều tiết ngân sách tỉnh để chi đầu tư xây dựng các dự án, công trình trên địa bàn thành phố Nam Định.

b) Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất các khu đô thị tại thị trấn các huyện được quyết định đầu tư trước ngày 01/01/2021: Cấp lại 100% để chi phục vụ công tác giải phóng mặt bằng của dự án, chi đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng thuộc dự án; số còn lại để chi đầu tư xây dựng các dự án, công trình trọng điểm trên địa bàn huyện và ưu tiên cho các dự án, công trình của thị trấn có đất bị thu hồi theo danh mục và kinh phí phân bổ cho các dự án, công trình được Hội đồng nhân dân huyện thông qua.

c) Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất từ các khu tái định cư, khu đô thị, khu (điểm) dân cư tập trung trên địa bàn các huyện (trừ các khu đô thị quy định tại điểm b khoản này):

- Ngân sách tỉnh cấp lại toàn bộ khoản kinh phí giải phóng mặt bằng của dự án, chi đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng thuộc dự án (Riêng các dự án khu **(điểm) dân cư tập trung** do UBND huyện đã quyết định đầu tư theo Nghị quyết số 30/2018/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 của HĐND tỉnh đã thực hiện một trong các bước đấu thầu xây lắp, giải phóng mặt bằng hoặc đầu tư hạ tầng: Thực hiện cấp bổ sung có mục tiêu).

- Số còn lại được coi là 100% và được sử dụng như sau:

+ Để lại ngân sách tỉnh 50% để đầu tư các dự án, công trình của tỉnh;

+ Cấp lại 50% để đầu tư các dự án, công trình trên địa bàn các huyện theo nguyên tắc: Dành tối thiểu 60% số cấp lại để chi đầu tư các dự án, công trình trên địa bàn huyện do tỉnh quyết định đầu tư; Số còn lại được cấp bổ sung có

mục tiêu cho ngân sách huyện để đầu tư các dự án, công trình theo danh mục được Hội đồng nhân dân huyện thông qua, trong đó ưu tiên: Các dự án, công trình của xã có đất bị thu hồi; các dự án, công trình trên địa bàn huyện; xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản (nếu có); công tác đo đạc, chỉnh lý, đăng ký, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai...

d) Chi từ các khoản thu từ khu đất giao cho nhà đầu tư theo hình thức lựa chọn nhà đầu tư để thực hiện dự án trên địa bàn các huyện:

- Để lại ngân sách tỉnh 50% để đầu tư các dự án, công trình của tỉnh;

- Cấp lại 50% để đầu tư các dự án, công trình trên địa bàn các huyện theo nguyên tắc: Dành tối thiểu 60% số cấp lại để chi đầu tư các dự án, công trình trên địa bàn huyện do tỉnh quyết định đầu tư; Số còn lại được cấp bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện để đầu tư các dự án, công trình theo danh mục được Hội đồng nhân dân huyện thông qua, trong đó ưu tiên: Các dự án, công trình của xã có đất bị thu hồi; các dự án, công trình trên địa bàn huyện; xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản (nếu có); công tác đo đạc, chỉnh lý, đăng ký, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai...

đ) Chi từ nguồn thu xử lý sắp xếp lại nhà, đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và doanh nghiệp theo Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021; Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ:

- Đối với nguồn thu từ việc sắp xếp lại các cơ sở nhà, đất do tỉnh và Trung ương điều chuyên cho tỉnh quản lý: Dành 100% để chi đầu tư cho các dự án, công trình của tỉnh.

- Đối với nguồn thu từ việc sắp xếp lại các cơ sở nhà, đất do huyện, thành phố quản lý: Dành 100% để chi đầu tư xây dựng các dự án, công trình do tỉnh, huyện, thành phố quyết định đầu tư.

2. Ngân sách huyện, thành phố: Chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội do huyện, thành phố quản lý theo quy định của Chính phủ và quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh từ nguồn thu tiền sử dụng đất, thu đóng góp của nhân dân và các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật. Chi các dự án quy hoạch đất đai, đo đạc cấp quyền sử dụng đất; giải phóng mặt bằng và các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

3. Ngân sách xã, phường, thị trấn: Chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội do xã, phường, thị trấn quản lý từ nguồn thu tiền sử dụng đất được hưởng; các khoản đóng góp của nhân dân và các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Chi thường xuyên

1. Các lĩnh vực ngân sách tỉnh chi

a) Chi trợ giá các mặt hàng chính sách như: chi trợ giá Báo Nam Định, bản tin nội bộ và trợ giá giống cây, giống con theo chế độ chính sách của nhà nước và của tỉnh sẽ được bố trí trong các lĩnh vực chi ngân sách tương ứng.

b) Các hoạt động sự nghiệp kinh tế do cấp tỉnh quản lý:

- Chi cho các công việc liên quan đến hoạt động ngành nông nghiệp, thủy lợi, ngư nghiệp, diêm nghiệp và lâm nghiệp như duy tu, bảo dưỡng các tuyến đê, các công trình thủy lợi, các trạm trại nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp; công tác khuyến lâm, khuyến nông, khuyến ngư; chi khoanh nuôi, bảo vệ phòng chống cháy rừng, bảo vệ nguồn lợi thủy sản...

- Chi sự nghiệp giao thông: Chi cho các công việc liên quan đến duy tu, bảo dưỡng các tuyến đường do tỉnh quản lý.

- Chi sự nghiệp thị chính là khoản chi trả tiền điện đèn đường chiếu sáng trên địa bàn thành phố Nam Định.

- Chi sự nghiệp kinh tế khác:

+ Chi cho công tác quy hoạch, chi đo đạc, lập bản đồ và lưu trữ hồ sơ địa chính, điều tra cơ bản; các sự nghiệp kinh tế khác theo quy định của pháp luật và quy định của tỉnh...

+ Chi sự nghiệp kinh tế thực hiện các nhiệm vụ khuyến công, khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn, xúc tiến thương mại, chi thực hiện các cơ chế chính sách phát triển kinh tế xã hội do tỉnh ban hành.

c) Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo:

- Chi cho khối giáo dục phổ thông trung học, giáo dục thường xuyên, tăng cường cơ sở vật chất cho các khối học và các hoạt động giáo dục khác do tỉnh quản lý.

- Chi cho khối cao đẳng, trung cấp, Trường Chính trị Trường Chinh và các chế độ chính sách đào tạo đối với công chức, viên chức theo quy định.

d) Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ: Chi nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, phát triển công nghệ, các hoạt động sự nghiệp khoa học, công nghệ khác theo quy định của các bộ, ngành Trung ương và của tỉnh.

đ) Sự nghiệp bảo vệ môi trường: Chi các hoạt động bảo vệ môi trường của các đơn vị thuộc tỉnh quản lý; chi thực hiện các dự án, đề án, nhiệm vụ bảo vệ môi trường do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; chi thực hiện các dự án xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc khu vực công ích do địa phương quản lý; chi thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường, xử lý rác thải (nếu có) theo quy định.

e) Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: Chi thực hiện các nhiệm vụ y tế, dân số và gia đình; chi thực hiện chương trình, đề án của ngành y tế đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; chi mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công; chi phòng chống dịch bệnh; chi thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công do Chính phủ quy định (bao gồm cả trạm y tế xã, phường, thị trấn); chi phụ cấp nhân viên y tế thôn và chi hỗ trợ nhân viên y tế ở tổ dân phố thuộc các phường, thị trấn theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh; chi bồi dưỡng hàng tháng cho cộng tác viên dân số; chi mua hoặc hỗ trợ kinh phí mua thẻ BHYT cho các đối tượng theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế và quy định của tỉnh.

g) Chi sự nghiệp văn hoá - thông tin (bao gồm kinh phí để đảm bảo hoạt động Nhà hát Nghệ thuật truyền thống); chi sự nghiệp phát thanh, truyền thanh và các hoạt động thông tin khác; chi sự nghiệp thể dục thể thao (bao gồm kinh phí hỗ trợ các vận động viên đạt thành tích cấp quốc gia) và thực hiện các đề án phát triển văn hoá - thể thao theo quy định của tỉnh.

h) Chi bảo đảm xã hội: Chi các hoạt động bảo đảm xã hội cho các trung tâm bảo trợ xã hội của tỉnh, trung tâm dạy nghề cho trẻ em khuyết tật, trung tâm phòng chống tệ nạn xã hội do Sở Lao động - Thương binh & Xã hội quản lý và các hoạt động đảm bảo xã hội khác theo quy định của pháp luật.

i) Chi các sự nghiệp khác do tỉnh quản lý.

k) Chi quản lý hành chính: Chi hoạt động của các cơ quan nhà nước; chi hoạt động của các cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam (bao gồm cả chi công tác chăm sóc sức khoẻ đối với các cán bộ do Tỉnh uỷ quản lý); hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh.

l) Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở cấp tỉnh theo quy định của Chính phủ và của tỉnh.

m) Các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, trật tự và an toàn xã hội do tỉnh quản lý theo quy định.

n) Phần chi thường xuyên trong các chương trình mục tiêu quốc gia do các cơ quan cấp tỉnh thực hiện.

o) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật do cấp tỉnh quản lý (bao gồm cả chi tiền phạt, tịch thu).

p) Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính của tỉnh.

q) Chi bổ sung cho ngân sách huyện, thành phố.

r) Chi chuyển nguồn ngân sách tỉnh.

2. Các lĩnh vực ngân sách cấp huyện chi

a) Chi sự nghiệp kiến thiết kinh tế:

- Chi sự nghiệp nông, lâm, thủy lợi: Chi cho các công việc liên quan đến hoạt động ngành nông nghiệp, thủy lợi, ngư nghiệp, diêm nghiệp và lâm nghiệp do cấp huyện quản lý.

- Chi sự nghiệp giao thông: Chi cho các công việc liên quan đến duy tu, bảo dưỡng các tuyến đường do cấp huyện quản lý; hỗ trợ cho công tác cảnh giới tại các điểm giao cắt đường bộ đường sắt; hoạt động của Ban an toàn giao thông các huyện, thành phố; kinh phí đối ứng các dự án theo quy định...

- Chi sự nghiệp thị chính: Chi trang trí, chỉnh trang đô thị (bao gồm cả chi trang trí, chỉnh trang đô thị thường xuyên và trang trí, chỉnh trang đô thị trong các ngày kỷ niệm, ngày Lễ lớn, tổ chức các sự kiện quan trọng theo sự chỉ đạo của tỉnh và các huyện, thành phố), chi duy tu sửa chữa vỉa hè, nạo vét cống thoát nước, công viên và các sự nghiệp thị chính khác ở thành phố Nam Định; chi sửa chữa đèn

chiếu sáng và trả tiền điện ở các trung tâm huyện lỵ; chi trả tiền điện thấp sáng đối với các huyện có đường Quốc lộ 10, Quốc lộ 21, Quốc lộ 21B đi qua...

- Chi sự nghiệp kinh tế khác: Chi đo đạc, lập bản đồ và lưu trữ hồ sơ địa chính, điều tra cơ bản, chi hỗ trợ phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của các huyện, thành phố; các sự nghiệp kinh tế khác theo quy định của pháp luật và quy định của tỉnh.

b) Chi sự nghiệp giáo dục: Chi lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương, chi hoạt động, chi tăng cường cơ sở vật chất và các nội dung khác phục vụ công tác giảng dạy, học tập tại các trường trung học cơ sở, trường tiểu học, trường mầm non công lập và Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên.

c) Chi sự nghiệp đào tạo: Chi cho Trung tâm chính trị cấp huyện; chi hỗ trợ cán bộ được cử đi học các lớp tập huấn, bồi dưỡng chính trị, chuyên môn của ngành; chi đào tạo cán bộ các ngành, cán bộ xã, phường, thị trấn theo chế độ nhà nước quy định...

d) Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ: Chi quản lý khoa học công nghệ và ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất trên địa bàn các huyện, thành phố.

đ) Kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

e) Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: Chi bảo đảm cho việc khám sức khỏe cho công dân thực hiện nghĩa vụ quân sự và các hoạt động sự nghiệp y tế, dân số và gia đình trên địa bàn huyện, thành phố; chi cho công tác chăm sóc sức khỏe các huyện, thành phố.

g) Chi sự nghiệp văn hoá - thông tin, chi sự nghiệp phát thanh, truyền thanh và các hoạt động thông tin khác, chi sự nghiệp thể dục thể thao theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

h) Chi bảo đảm xã hội: Chi thăm hỏi các đối tượng chính sách; chi cho các trung tâm phòng chống tệ nạn xã hội cấp huyện; chi trợ giúp thường xuyên cho các đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ; chi thực hiện chế độ mai táng phí cho các đối tượng theo quy định; chi đảm bảo xã hội khác theo quy định của pháp luật.

i) Chi các sự nghiệp khác do cấp huyện quản lý.

k) Chi quản lý hành chính: Chi hoạt động của các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam; hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện; chi công tác chăm sóc sức khỏe đối với các cán bộ do huyện uỷ, thành uỷ quản lý.

l) Hỗ trợ các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

m) Chi an ninh, quốc phòng: Chi thực hiện các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội ... do ngân sách huyện, thành phố thực hiện theo quy định.

n) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật do cấp huyện quản lý.

o) Chi bổ sung cho ngân sách xã, phường, thị trấn.

p) Chi chuyển nguồn ngân sách huyện, thành phố.

3. Các lĩnh vực ngân sách cấp xã chi

a) Chi sự nghiệp kiến thiết kinh tế:

- Chi sự nghiệp nông, lâm, thủy lợi (trừ các phường trên địa bàn thành phố Nam Định): Chi cho các công việc liên quan đến hoạt động ngành nông nghiệp, thủy lợi, ngư nghiệp, diêm nghiệp và lâm nghiệp do cấp xã quản lý (đã bao gồm chi phụ cấp cho nhân viên làm công tác thú y; khuyến nông, khuyến ngư; bảo vệ thực vật; quản lý đê nhân dân cấp xã; Ban nông nghiệp xã...)

- Chi sự nghiệp giao thông: Chi cho các công việc liên quan đến duy tu, bảo dưỡng các tuyến đường do xã, thị trấn quản lý (đối với phường do ngân sách thành phố chi), kinh phí đối ứng cho các dự án theo quy định...

- Chi sự nghiệp thị chính: Chi chỉnh trang đô thị (bao gồm cả chi trang trí, chỉnh trang đô thị thường xuyên và trang trí, chỉnh trang đô thị trong các ngày kỷ niệm, ngày Lễ lớn, tổ chức các sự kiện quan trọng theo sự chỉ đạo của tỉnh và huyện), chi duy tu sửa chữa cải tạo vỉa hè, đường phố nội thị, điện chiếu sáng công viên, cây xanh... trên địa bàn các thị trấn và các nhiệm vụ chi khác của sự nghiệp thị chính theo sự chỉ đạo của huyện (đối với phường do ngân sách thành phố chi).

- Chi sự nghiệp kinh tế khác: Chi đo đạc, lập bản đồ và lưu trữ hồ sơ địa chính, điều tra cơ bản, đưa dân đi vùng kinh tế mới, các sự nghiệp kinh tế khác do cấp xã quản lý theo quy định của pháp luật và quy định của tỉnh.

b) Chi sự nghiệp giáo dục của ngân sách xã, phường, thị trấn: Chi hỗ trợ hoạt động sự nghiệp giáo dục trên địa bàn xã, phường, thị trấn, hỗ trợ các Trung tâm giáo dục cộng đồng...

c) Chi sự nghiệp đào tạo: Chi hỗ trợ cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn, người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, xóm, tổ dân phố đi học tập, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn theo quy định.

d) Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường: Chi thu gom, vận chuyển, xử lý giảm thiểu, tái chế, xử lý, chôn lấp chất thải; vệ sinh môi trường ở khu dân cư, nơi công cộng. Vận hành hoạt động các bãi chôn lấp chất thải hợp vệ sinh ở xã, thị trấn. Chi điều tra đánh giá tình hình ô nhiễm môi trường và các biện pháp khắc phục; kiểm tra, kiểm soát ô nhiễm môi trường, quản lý chất thải và bảo vệ môi trường tại địa phương; các nhiệm vụ bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật.

đ) Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: Chi hoạt động y tế, dân số, gia đình và trẻ em ở xã, phường, thị trấn; hỗ trợ cho các trạm y tế xã, phường, thị trấn.

e) Chi sự nghiệp văn hóa - thông tin: Chi hoạt động của Ban chỉ đạo phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá và các hoạt động văn hóa thông tin cấp xã.

g) Chi sự nghiệp phát thanh, truyền thanh: Chi phụ cấp, kinh phí mua thẻ BHYT, trích nộp BHXH cho nhân viên phụ trách đài phát thanh xã theo Nghị quyết HĐND tỉnh và chi công tác phát thanh, truyền thanh xã, phường, thị trấn.

h) Chi sự nghiệp thể dục thể thao do xã, phường, thị trấn quản lý.

i) Chi bảo đảm xã hội: Chi trợ cấp hàng tháng, kinh phí mua thẻ BHYT và mai táng phí cho cán bộ xã nghỉ việc theo Quyết định số 130-CP ngày 20/6/1975 và Quyết định số 111-HĐBT ngày 13/10/1981 của Hội đồng Bộ trưởng; chi thăm hỏi các gia đình chính sách; trợ giúp xã hội và công tác xã hội khác theo quy định.

k) Chi quản lý hành chính: Chi hoạt động của các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn; kinh phí chi phụ cấp, kinh phí mua thẻ BHYT, trích nộp BHXH (nếu có) cho cán bộ không chuyên trách ở xã, thôn, tổ dân phố theo quy định của Trung ương và của tỉnh; toàn bộ kinh phí chi phụ cấp cho cán bộ là Thường trực Mặt trận Tổ quốc, Ban Thường vụ các đoàn thể chính trị cấp xã; Bí thư chi đoàn, chi hội trưởng: Hội phụ nữ, Hội cựu chiến binh, Hội nông dân theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; Kinh phí cho hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân các xã, phường, thị trấn...

l) Chi an ninh: Chi phụ cấp, kinh phí mua thẻ BHYT, trích nộp BHXH và các hoạt động an ninh trật tự an toàn xã hội của xã, phường, thị trấn; kinh phí thực hiện nhiệm vụ an ninh, trật tự cho các xã ven biển.

m) Chi quốc phòng: Chi thực hiện các nhiệm vụ về quốc phòng (bao gồm kinh phí thực hiện nhiệm vụ quốc phòng cho các xã ven biển); kinh phí thực hiện Luật Dân quân tự vệ do ngân sách cấp xã đảm nhận,... theo quy định của nhà nước và quy định của tỉnh.

n) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật.

o) Chi chuyển nguồn ngân sách xã.

4. Các khoản chi do cấp có thẩm quyền ban hành chưa quy định trong Quy định này thì thực hiện việc phân cấp, lập dự toán, chấp hành, kế toán và quyết toán theo chế độ quy định.

Điều 7. Dự phòng ngân sách

Dự phòng ngân sách dùng để chi cho các nhiệm vụ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước./.

TỶ LỆ PHÂN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA NGÂN SÁCH CÁC CẤP NĂM 2022
(Kèm theo Nghị quyết số 53/2021/NQ-HĐND ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định)

Đơn vị: %

STT	Tên đơn vị	Chi tiết theo sắc thuế																			
		Thu từ DNNN Trung ương	Thu từ DNNN địa phương	Thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	Thuế thu nhập cá nhân	Thu tiền sử dụng đất		Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	Thu tiền thuế mặt đất, mặt nước	Thuế bảo vệ môi trường	Lệ phí trước bạ	Phí và lệ phí thuộc SHNN	Thu khác ngân sách	Thu tại xã	Thu từ xử lý sắp xếp lại nhà, đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và DN	Thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa	Thu hồi vốn và lợi nhuận sau thuế	Thu xổ số kiến thiết	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1	TP. Nam Định	100	100	100	100	100	50	20	100	100	100		100	100	100	100	100				
2	Huyện Mỹ Lộc	100	100	100	100	100	50		100	100	100		100	100	100	100	100				
3	Huyện Nam Trực	100	100	100	100	100	50		100	100	100		100	100	100	100	100				
4	Huyện Trực Ninh	100	100	100	100	100	50		100	100	100		100	100	100	100	100				
5	Huyện Hải Hậu	100	100	100	100	100	50		100	100	100		100	100	100	100	100				
6	Huyện Giao Thủy	100	100	100	100	100	50		100	100	100		100	100	100	100	100				
7	Huyện Xuân Trường	100	100	100	100	100	50		100	100	100		100	100	100	100	100				
8	Huyện Nghĩa Hưng	100	100	100	100	100	50		100	100	100		100	100	100	100	100				
9	Huyện Ý Yên	100	100	100	100	100	50		100	100	100		100	100	100	100	100				
10	Huyện Vụ Bản	100	100	100	100	100	50		100	100	100		100	100	100	100	100				